

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 19/2022/HNGĐ-GĐT

Ngày: 26/9/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Tô Chánh Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án hôn nhân gia đình về “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc C (Trần Văn N), sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 06 Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng NNPTNT Việt Nam;

Địa chỉ: Số 18 THD, khu đô thị mới MĐ, huyện TL, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp CT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông Lại Văn Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp VA, xã VT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Láng Giài, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

3.5. Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B11/18 đường 23/8, ấp TK, Phường T, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Bà Vũ Thị Lan A, sinh năm 1964;

3.7. Ông Trần Việt H3, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Số 3B đường Trần Huỳnh, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3.8. Bà Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 14 đường CVT, Khóm M, Phường H, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

3.9. Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Ấp XC, thị trấn CH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P - Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày: Ông và bà H1 đăng ký kết hôn ngày 27/01/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường T, thị xã BL, tỉnh Minh Hải (nay là Phường T, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu). Do nghi ngờ sự chung thủy của nhau nên vợ chồng ly thân từ tháng 3/2017, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H1.

Về con chung: Có 02 người con chung đã trưởng thành là Trần Văn S, sinh ngày 07/6/1992 và Trần Nhựt T, sinh ngày 05/7/1997, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng NNPTNT Việt Nam 300.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đôi nợ chung.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia tài sản chung gồm có:

- Diện tích đất đo đạc thực tế 1901,5m² thuộc thửa 1384, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771159 do Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/10/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị H1. Tài

sản trên đất có: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2014 chiều ngang 6m dài 25m; 13 phòng cho thuê xây dựng năm 2010.

- Các tài sản chung khác: 01 xe mô tô hiệu SH Mode mua năm 2016 giá 58.000.000 đồng bà H1 đang sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Wave mua năm 2010 giá 4.500.000 đồng ông đang sử dụng; số tiền bà Nguyễn Thị Kiều O vay 13.000.000 đồng; tiền cho thuê nhà trọ bà H1 đang quản lý 121.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung như ông C trình bày, bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về nợ chung: Bà thống nhất khoản nợ chung tại Ngân hàng NNPTNT Việt Nam như ông C trình bày. Ngoài ra, bà còn yêu cầu chia khoản nợ chung khác gồm: Nợ bà Vũ Thị Lan A 300.000.000 đồng; nợ bà Phạm Thị Thúy L 200.000.000 đồng; nợ bà Bùi Thị H2 85.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà thống nhất tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và 13 phòng cho thuê bà đồng ý chia đôi, bà nhận tài sản và thanh toán giá trị cho ông C. Ngoài ra, bà yêu cầu chia đôi số tiền ông C đang quản lý 374.000.000 đồng (gồm 100.000.000 đồng tiền mặt, tiền hụi 75.000.000 đồng của bà V; 50.000.000 đồng của bà T trả; 15.000.000 đồng của bà N trả; 15.000.000 đồng của ông Đ trả và tiền nhận cầm đồ của khách hàng khác).

Đối với xe mô tô Wave ông C đang sử dụng số tiền cho bà O vay là tài sản chung nhưng giá trị còn lại không nhiều nên bà không yêu cầu chia.

Đối với xe SH Mode và quyền sử dụng đất thửa 1384 là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị T: Ngày 15/01/2016, bà vay của ông C, bà H1 50.000.000 đồng, đã thanh toán xong.

Bà Vũ Thị Lan A: Ngày 06/10/2015, bà cho bà H1 vay 300.000.000 đồng, nay bà yêu cầu ông C, bà H1 trả 300.000.000 đồng nợ gốc và 22.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 322.500.000 đồng.

Bà Bùi Thị H2: Ngày 25/7/2016, bà cho bà H1 vay 85.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông C, bà H1 trả 85.000.000 đồng nợ gốc và 8.920.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 93.920.000 đồng.

Bà Phạm Thị Thúy L: Ngày 24/7/2016, bà cho bà H1 vay 200.000.000 đồng, đến ngày 25/6/2018 bà H1 xin tiền lãi và thanh toán đủ 200.000.000 đồng.

Ngân hàng NNPTNT Việt Nam yêu cầu ông C, bà H1 trả 300.000.000 đồng nợ gốc và 86.757.917 đồng nợ lãi, đồng thời yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán đủ nợ.

Bà Nguyễn Thị Kiều O không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì.

Chị Nguyễn Ngọc N: Ngày 08/11/2016, chị vay của ông C, bà H1 15.000.000 đồng đã thanh toán xong.

Ông Lại Văn Đ: Ngày 14/11/2016, ông cầm xe cho ông C, bà H1 số tiền 15.000.000 đồng, nay đã thanh toán xong.

Tại Bản án sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 26/12/2018, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu quyết định (tóm tắt):

Về tài sản chung:

Chia cho ông C được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 772,6m² tại một phần thửa số 1384 (có vị trí tứ cận theo bản vẽ).

Chia cho bà H1 được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 1128,9m² tại một phần thửa 1384 (có vị trí tứ cận theo bản vẽ).

Chia cho bà H1 được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên diện tích đất theo đo đạc thực tế 1128,9m².

Buộc bà H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông C tiền chênh lệch bằng 256.967.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quan hệ hôn nhân, giải quyết nợ, giải quyết yêu cầu chia các tài sản khác, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/01/2019, bà H1 kháng cáo phần chia tài sản của bản án sơ thẩm.

Ngày 11/01/2019, ông C kháng cáo phần nợ của bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu như sau (tóm tắt):

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với bà H1 và một phần yêu cầu của bà H1 đối với ông C về chia tài sản khi ly hôn.

Chia cho ông C được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 772,6m² tại một phần thửa số 1384, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771159 do Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 20/10/2011 (có vị trí tứ cận, số đo).

Chia cho bà H1 được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 1128,9m² tại một phần thửa 1384, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp PT, xã LT,

huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771159 do Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 20/10/2011 (có vị trí tứ cận, số đo).

Chia cho bà H1 được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên diện tích đất theo đo đạc thực tế 1128,9m² tại một phần thửa 1384, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, gồm: Một căn nhà chính; 01 hàng rào trước nhà chính; 01 nhà phụ bên hông nhà chính; 01 căn nhà tạm sau nhà chính; nhà trọ (có tuyên kết cấu, diện tích, đặc điểm); cây trồng (có tuyên từng loại cây). Giao cho bà H1 được quyền sở hữu xe mô tô hiệu SH Mode biển kiểm soát 94K1-44195.

Giao cho ông Trần Quốc C được quyền sở hữu xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 94E1-007.99.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà H1 đối với ông C về việc yêu cầu ông C chia đôi số tiền 374.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà H1 về việc yêu cầu ông C trả số tiền 7.619.000 đồng mà bà H1 đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam.

Buộc bà H1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản chênh lệch cho ông C số tiền 256.967.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về nợ chung, đình chỉ phần đương sự đã thỏa thuận, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, án phí.

Tại Văn bản số 04/KN-TA ngày 12/10/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với một phần Bản án phúc thẩm và một phần Bản án sơ thẩm nêu trên với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tuyên giao đất cho ông C; giao tài sản trên đất cho bà H1 nhưng không tuyên buộc tháo dỡ, di dời nên không thi hành án được; không nêu rõ diện tích đất các đương sự được chia là loại đất gì nên cơ quan chuyên môn không thể điều chỉnh GCNQSDĐ, làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

Tại Quyết định số 05/2022/KN-HNGĐ ngày 22/4/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (phần chia tài sản thửa 1384 và tài sản trên đất). Giao hồ sơ vụ án về Tòa

án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm phần bị hủy đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Quốc C và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn ngày 27/01/1992. Thửa đất số 1384 diện tích 1.937m², tờ bản đồ số 7 (qua đo đạc thực tế có diện tích 1.901,5m²), tọa lạc tại ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu các bên đương sự tranh chấp có nguồn gốc do ông C, bà H1 nhận chuyển nhượng của ông V ngày 25/3/1992, trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại. Quá trình sử dụng đất ông C, bà H1 đã trồng nhiều cây xanh, xây nhà ở, xây phòng trọ cho thuê, thế chấp vay tiền Ngân hàng. Bà H1 cho rằng thửa đất là tài sản riêng của bà theo văn bản thỏa thuận chia tài sản giữa bà và ông C lập ngày 10/10/2011. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận không có nội dung nào xác định quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của bà H1, hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận thể hiện từ hộ bà Nguyễn Thị H1 thành bà Nguyễn Thị H1 phù hợp lời trình bày của ông C về việc để bà H1 đứng tên để thuận tiện giao dịch với Ngân hàng. Mặt khác, bà H1, ông C còn cùng đứng tên chuyển nhượng, cùng nhận tiền phần đất nuôi trồng thủy sản vào năm 2015 mà bà H1 cho rằng đã thỏa thuận chia cho ông C, dùng tiền chuyển nhượng xây dựng căn nhà chính, mái che nhà trọ trên diện tích 1.937m² đất tranh chấp cũng như cùng thế chấp đất này cho Ngân hàng để vay tiền đầu năm 2016. Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xác định diện tích 1.937m² đất là tài sản chung của bà H1, ông C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về điều kiện thi hành án:

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2018, trên phần đất ông C được chia (diện tích 772,6 m²) có 17 cây xanh, 03 cây phát tài, 02 cây ổi loại A, 01 cây khế loại C, 01 cây mít loại B, 50 cây chuối. Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm xử giao cho bà H1 sở hữu số cây này, nhưng không tuyên buộc bà H1 di dời nên không thể thi hành án được. Tương tự, theo Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL thì trên phần đất chia cho ông C còn có 02 căn nhà trọ và một phần căn nhà trọ khác mà Tòa án cấp phúc thẩm xử giao cho bà H1 sở hữu nhưng không buộc bà H1 tháo dỡ, di dời nên cũng không thể thi hành án được. Trường hợp này, khi giao quyền sử dụng đất thì giao tài sản trên phần đất được chia cho ông C sở hữu và ông C có trách nhiệm thanh toán lại giá trị bằng tiền cho bà H1.

[3] Trong diện tích đất đo đạc thực tế 1.901,5m² mà các bên đương sự tranh chấp có 300m² đất ở (thổ cư). Do đó, khi chia quyền sử dụng đất thì phải

chia cho mỗi bên đều được quyền sử dụng một phần đất ở (thổ cư) thì mới đảm bảo sự công bằng cũng như quyền được tạo lập chỗ ở của đương sự. Mặt khác, khi phân chia quyền sử dụng đất cần tránh việc phải buộc đương sự di dời hoặc phá dỡ các tài sản gắn liền với đất nếu việc phá dỡ, di dời làm ảnh hưởng đến kết cấu chung, làm giảm sút đáng kể giá trị tài sản hoặc phát sinh chi phí lớn, mà cần phân chia quyền sử dụng đất gắn liền tài sản cho từng bên đương sự, bên nhận phần có giá trị lớn hơn thì hoàn trả giá trị chênh lệch cho bên kia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 05/2022/KN-HNGĐ ngày 22/4/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (phần chia tài sản thừa 1384 và tài sản trên đất). Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm phần bị hủy đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Tp. HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Tp. HCM (để biết);
- Vụ pháp chế và QLKH TANDTC;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện VL, Bạc Liêu;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường